
TRAO ĐỔI

Một vài suy nghĩ về khái niệm hàng giả trong bối cảnh cuộc chiến chống hàng giả và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ tại Việt Nam

Nguyễn Thị Quế Anh*

*Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội,
144 Xuân Thủy, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 01 tháng 10 năm 2013

Chỉnh sửa ngày 15 tháng 12 năm 2013; Chấp nhận đăng ngày 17 tháng 3 năm 2014

Tóm tắt: Trong bài viết tác giả đề cập tới sự phát triển của khái niệm hàng giả trong pháp luật Việt Nam, phân tích về khái niệm hàng giả theo pháp luật hiện hành, chỉ ra sự khác biệt và mối tương quan giữa một số khái niệm hàng giả như: Hàng giả về nội dung và hàng giả về hình thức; Hàng giả thông thường và hàng giả gây hại cho sức khỏe, an toàn của người tiêu dùng. Tác giả cũng chú trọng đến việc phân tích mối tương quan giữa hàng giả và hàng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ. Trên cơ sở đó, tác giả chỉ ra những bất cập trong pháp luật hiện hành về xác định căn cứ áp dụng pháp luật nhằm xử lý các hành vi làm hàng giả khác nhau và chỉ ra sự cần thiết phải hoàn thiện khái niệm hàng giả trong pháp luật Việt Nam.

Từ khóa: Định nghĩa hàng giả, hàng giả về nội dung và hình thức, hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ.

Giới thiệu

Trong những năm gần đây, Việt Nam đã không ngừng có những cố gắng nhằm đẩy mạnh cuộc chiến chống hàng giả và bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ. Tuy nhiên, theo những số liệu được công bố chính thức, hiện tượng sản xuất, buôn bán hàng giả không những không giảm mà còn có xu hướng tiến triển trầm trọng hơn. Điều này

không chỉ được thể hiện ở số lượng các vụ việc bị phát hiện, xử lý, mà còn ở sự đa dạng của hàng hoá bị làm giả, thủ đoạn, phương thức và quy mô của các hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng giả [1].

Trước nhu cầu tăng cường hiệu quả cuộc đấu tranh chống hàng giả và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, việc làm rõ bản thân khái niệm hàng giả nhằm tạo dựng cơ sở pháp lý đầy đủ cho việc áp dụng các biện pháp chế tài xử lý phù hợp là một yêu cầu hết sức cần thiết trong giai đoạn hiện nay.

*ĐT: 84-4-7547049

E-mail: queanhthu@yahoo.com

1. Sự phát triển của khái niệm hàng giả trong pháp luật Việt Nam

Dưới góc độ pháp lý, khái niệm hàng giả lần đầu tiên được sử dụng kể từ khi đất nước được thống nhất là trong Pháp lệnh Trừng trị tội đầu lậu cơ, buôn, làm hàng giả, kinh doanh trái phép năm 1982¹. Điều 5 của Pháp lệnh này quy định về Tội làm hàng giả hoặc buôn bán hàng giả, với hình phạt có thể lên đến tù chung thân. Tuy nhiên, đến thời điểm ban hành văn bản này, khái niệm hàng giả vẫn chưa được làm rõ.

Bộ luật Hình sự đầu tiên của nước Việt Nam thống nhất được ban hành vào năm 1985 quy định Tội làm hàng giả, Tội buôn bán hàng giả tại Điều 176, thuộc nhóm Tội kinh tế. Mặc dù có quy định chi tiết hơn, có chế tài nghiêm khắc hơn Điều 5 của Pháp lệnh năm 1982, Điều 176 của Bộ luật hình sự năm 1985 không đưa ra định nghĩa về hàng giả.

Văn bản pháp luật đầu tiên đưa ra định nghĩa về hàng giả là Nghị định 140/HĐBT ngày 25/4/1991 của Hội đồng bộ trưởng quy định về việc kiểm tra, xử lý hoạt động sản xuất buôn bán hàng giả. Điều 3 của Nghị định quy định:

“Hàng giả theo Nghị định này, là những sản phẩm, hàng hoá được sản xuất ra trái pháp luật có hình dáng giống như những sản phẩm, hàng hoá được Nhà nước cho phép sản xuất, nhập khẩu và tiêu thụ trên thị trường; hoặc những sản phẩm, hàng hoá không có giá trị sử dụng đúng với nguồn gốc, bản chất tự nhiên, tên gọi và công dụng của nó”.

¹ Pháp lệnh số 07/LCT/HDNN7 ngày 10/7/1982 Trừng trị tội đầu cơ, buôn lậu, làm hàng giả, kinh doanh trái phép năm 1982.

Điều 4 của Nghị định 140/HĐBT nêu cụ thể 6 trường hợp được coi là hàng giả, bao gồm: 1) Sản phẩm có nhãn giả mạo; 2) Sản phẩm, hàng hóa mang nhãn hiệu hàng hóa giả mạo nhãn hiệu hàng hóa đã được đăng ký, bảo hộ; 3) Sản phẩm, hàng hóa mang nhãn không đúng với nhãn sản phẩm đã đăng ký với cơ quan tiêu chuẩn đo lường chất lượng; 4) Sản phẩm hàng hóa ghi dấu phù hợp tiêu chuẩn Việt Nam khi chưa được cấp giấy chứng nhận và dấu phù hợp tiêu chuẩn Việt Nam; 5) Sản phẩm, hàng hóa đã đăng ký hoặc chưa đăng ký chất lượng với cơ quan Tiêu chuẩn đo lường chất lượng mà có mức chất lượng thấp hơn mức tối thiểu cho phép; 6) Sản phẩm, hàng hóa có giá trị sử dụng không đúng với nguồn gốc, bản chất, tự nhiên, tên gọi và công dụng của nó.

Kể từ sau Nghị định 140/HĐBT năm 1991, khái niệm hàng giả tiếp tục được đề cập đến trong nhiều văn bản pháp luật của Việt Nam, từ các văn bản về xử lý vi phạm hành chính, hình sự² đến các văn bản về kinh doanh thương mại³, bảo hộ sở hữu trí tuệ⁴, hải quan⁵, bao gồm cả các văn bản chỉ đạo, điều hành của Chính phủ⁶. Tùy trong từng bối cảnh, phù hợp với nhu cầu đấu tranh chống hàng giả trong từng lĩnh vực mà khái niệm hàng giả có thể được hiểu theo nghĩa khác nhau. Hơn nữa, qua

² Xem Điểm đ, khoản 8 điều 3 Nghị định 06/2008/NĐ-CP ngày 16/1/2008 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thương mại.

³ Pháp lệnh số 13/1999/PL-UBTVQH10 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 27 tháng 4 năm 1999 về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, Điều 7.

⁴ Thông tư liên tịch giữa Bộ tài chính và Bộ khoa học công nghệ 129 /2004/TTLT/BTC-BKHCN ngày 29 tháng 12 năm 2004 Hướng dẫn thi hành các biện pháp kiểm soát tại biên giới về sở hữu công nghiệp đối với hàng hoá xuất, nhập khẩu.

⁵ Khoản 1 điều 3 Thông tư số 44/2011/TT- BTC ngày 1/4/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn công tác chống hàng giả và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong lĩnh vực hải quan.

⁶ Chỉ thị số 28/2008/CT-TTg ngày 8 tháng 9 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ Về một số biện pháp cấp bách, chống hàng giả, hàng kém chất lượng.

các giai đoạn, khái niệm hàng giả trong pháp luật Việt Nam cũng đã có sự phát triển, hoàn thiện đáng kể [2].

Sau một thời gian dài chuẩn bị, đầu năm 2013, Chính phủ ban hành Nghị định 08 về Quy định xử phạt hành chính đối với hành vi sản xuất, buôn bán hàng giả⁷. Tại Điều 4, Nghị định này nêu ra 4 trường hợp được coi là hàng giả, bao gồm: Hàng hóa giả về nội dung; Hàng hóa giả về hình thức; Hàng hóa giả mạo về sở hữu trí tuệ; Trường hợp các sản phẩm tem, nhãn, bao bì giả.

Tuy nhiên, ngay gần đây, Chính phủ ban hành Nghị 185, định Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ người tiêu dùng⁸. Nghị định này thay thế một loạt các văn bản mới ban hành trước đó về xử phạt hành chính, trong đó bao gồm cả Nghị định 08 về xử phạt hành chính đối với hành vi sản xuất, buôn bán hàng giả. Khái niệm hàng giả được quy định tại khoản 8 Điều 3 Nghị định 185, theo hình thức liệt kê, từ điểm a) đến điểm h). Mặc dù có mức độ chi tiết cao hơn các văn bản trước đây về khái niệm hàng giả, về cơ bản, quy định của Nghị định 185 mới đây không có sự khác biệt so với quy định tại Nghị định 08. Theo cả hai văn bản này, khái niệm hàng giả bao gồm bốn trường hợp:

1) *Trường hợp giả về nội dung*: Hàng hóa không có giá trị sử dụng, công dụng hoặc có giá trị sử dụng, công dụng không đúng với nguồn gốc bản chất tự nhiên, tên gọi của hàng hoá; Có giá trị sử dụng, công dụng không đúng với giá trị sử dụng, công dụng đã công bố hoặc đăng ký; Hàng hóa có hàm lượng, định lượng chất chính, tổng các chất dinh dưỡng hoặc đặc tính kỹ thuật cơ bản khác chỉ đạt mức từ 70% trở xuống so với tiêu chuẩn chất lượng, quy chuẩn kỹ thuật đã đăng ký, công bố áp dụng

hoặc ghi trên nhãn, bao bì hàng hoá; Thuốc phòng bệnh, chữa bệnh cho người, vật nuôi không có dược chất, có dược chất nhưng không đúng với hàm lượng đã đăng ký, không đủ loại dược chất đã đăng ký, có dược chất khác với dược chất ghi trên nhãn, bao bì hàng hoá; Thuốc bảo vệ thực vật không có hoạt chất, có hàm lượng hoạt chất chỉ đạt từ 70% trở xuống so với tiêu chuẩn chất lượng, quy chuẩn kỹ thuật đã đăng ký, công bố áp dụng, không đủ loại hoạt chất đã đăng ký, có hoạt chất khác với hoạt chất ghi trên nhãn, bao bì hàng hoá.

2) *Trường hợp giả về hình thức* (giả mạo nhãn hàng hóa, bao bì hàng hóa), bao gồm: Hàng hóa có nhãn hàng hoá, bao bì hàng hoá giả mạo tên thương nhân, địa chỉ của thương nhân khác; Giả mạo tên thương mại, tên thương phẩm hàng hoá, mã số đăng ký lưu hành, mã vạch hoặc bao bì hàng hoá của thương nhân khác; Hàng hóa có nhãn hàng hóa, bao bì hàng hóa ghi chỉ dẫn giả mạo về nguồn gốc hàng hoá, nơi sản xuất, đóng gói, lắp ráp hàng hóa.

3) *Trường hợp giả mạo về sở hữu trí tuệ*, được quy định tại Điều 213 Luật sở hữu trí tuệ 2005.

4) Trường hợp các sản phẩm là tem, nhãn, bao bì giả cũng được coi là hàng giả.

2. Hàng giả về nội dung và hàng giả về hình thức

Nhìn chung, xuyên suốt trong sự phát triển của khái niệm hàng giả trong pháp luật Việt Nam luôn có sự phân biệt giữa hàng giả về nội dung và hàng giả về hình thức. Dưới nhiều góc độ, sự phân biệt này có ý nghĩa quan trọng.

Xét dưới góc độ kinh tế - xã hội, những hàng giả về nội dung gây thiệt hại trực tiếp đến người tiêu dùng. Khi mua phải hàng giả về nội dung, tức là hàng hóa không có giá trị sử dụng, công dụng hoặc có giá trị sử dụng, công dụng

⁷ Nghị định 08/2013/NĐ-CP ngày 10/1/2013 của Chính phủ Quy định xử phạt hành chính đối với hành vi sản xuất, buôn bán hàng giả.

⁸ Nghị định 185/2013/NĐ-CP ngày 15/11/2013 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ người tiêu dùng.

không đúng với nguồn gốc bản chất tự nhiên, tên gọi của hàng hoá..., người tiêu dùng bị thiệt hại về kinh tế, thậm chí thiệt hại về sức khỏe tính mạng. Trong khi đó, đối với những loại hàng giả về hình thức, tức là hàng hóa giả mạo về bao bì, nhãn hàng hóa, sự thiệt hại lại chủ yếu và trước hết thuộc về những thương nhân có hàng hóa thật bị làm nhái, làm giả. Trong trường hợp này, người tiêu dùng cũng có thể là nạn nhân nếu chất lượng của hàng hóa cũng bị giả mạo. Trái lại, trong nhiều trường hợp, người tiêu dùng có thể “đồng lõa” với người buôn bán hàng giả khi họ chấp nhận chất lượng hàng hóa có thể thấp nhưng với giá rẻ và gần gũi, bao bì của thương nhân có uy tín.

Xét dưới góc độ pháp lý, sự phân biệt hai loại hàng giả nêu trên cho thấy trong cuộc chiến pháp lý chống hàng giả về nội dung, vai trò của người tiêu dùng phải được đặt lên hàng đầu. Trong trường hợp đối với hàng giả về hình thức, quá trình nâng cao nhận thức của người tiêu dùng là quan trọng, nhưng trọng tâm các biện pháp pháp lý cần đặt vào tay những nhà sản xuất, thương nhân có hàng hóa bị làm giả về bao bì, nhãn mác.

Cũng dưới góc độ pháp lý, trong một số trường hợp việc phân biệt hành vi sản xuất, buôn bán hàng giả về nội dung với một số hành vi vi phạm pháp luật khác là khó khăn. Chẳng hạn, việc phân biệt giữa hành vi sản xuất buôn bán hàng giả về nội dung với hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong Bộ luật hình sự. Hiện nay, hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản được quy định tại Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009, với mức hình phạt cao nhất có thể là từ mười hai năm đến hai mươi năm hoặc tù chung thân. Trong khi đó, tội sản xuất, buôn bán hàng giả được quy định tại Điều 156 Bộ luật hình sự, với khung hình phạt cao nhất là phạt tù đến mười lăm năm. Trường hợp phạm tội sản xuất,

buôn bán hàng giả là lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh, thuốc phòng bệnh theo Điều 157 thì có thể bị phạt tù chung thân hoặc tử hình. Trường hợp phạm tội sản xuất, buôn bán hàng giả là thức ăn dùng để chăn nuôi, phân bón, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật, giống cây trồng, vật nuôi theo Điều 158 thì có thể bị phạt tù đến mười lăm năm.

Dưới góc độ thực tiễn của công tác đấu tranh chống hàng giả, các số liệu thống kê cả về hành chính và về hình sự cho thấy, chủ yếu các vụ việc bị xử lý đều tập trung vào loại hàng giả về nội dung hoặc giả cả về nội dung và hình thức. Số lượng các vụ việc hàng giả chỉ về hình thức bị xử lý rất ít⁹

Liên quan vai trò của người tiêu dùng trong đấu tranh chống hàng giả, có sự phân biệt giữa khái niệm hàng giả (về nội dung) với khái niệm “*hàng hóa khuyết tật*” được sử dụng trong lĩnh vực pháp luật về bảo vệ người tiêu dùng. Trước đây, Pháp lệnh bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 1999 có đề cập đến khái niệm hàng giả. Theo đó, một trong những hàng vi bị nghiêm cấm là hành vi sản xuất, kinh doanh hàng giả¹⁰. Hiện nay, Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng không đề cập đến vấn đề hàng giả. Trong Luật mới này, khái niệm trung tâm được sử dụng là «*hàng hoá khuyết tật*», tức là hàng hoá không đảm bảo an toàn cho người tiêu dùng, có khả năng gây thiệt hại cho tính mạng, sức khoẻ, tài sản của người tiêu dùng. Trong Nghị định 185/2013/NĐ-CP mới đây về Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ người tiêu

⁹ Xem số liệu thống kê các mặt hàng bị thu giữ, xử lý từ năm 2001-2010 của Ban chỉ đạo 127 của các Tỉnh, Thành phố trong Báo cáo của Ban chỉ đạo 127/TW năm 2011.

¹⁰ Pháp lệnh số 13/1999/PL-UBTVQH10 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 27 tháng 4 năm 1999 về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, điều 7.

dùng, bản thân hành vi sản xuất, buôn bán hàng hóa khuyết tật không bị coi là hành vi bị xử phạt hành chính. Điều 76 của Nghị định này chỉ xử phạt hành vi vi phạm trách nhiệm thu hồi hàng hóa khuyết tật¹¹.

3. Hàng giả và hàng xâm hại quyền sở hữu trí tuệ

Một trong những vấn đề quan trọng khi đề cập đến khái niệm hàng giả trong pháp luật Việt Nam là sự phân biệt giữa hàng giả và hàng xâm hại quyền sở hữu trí tuệ. Như trên đã thấy, khái niệm hàng giả trong pháp luật Việt Nam là rất rộng, bao gồm bốn trường hợp khác nhau. Cách hiểu về hàng giả của Việt Nam có sự khác biệt với cách hiểu về hàng giả ở nước ngoài. Ở nhiều quốc gia, khái niệm hàng giả luôn được hiểu gắn liền với một sự vi phạm về sở hữu trí tuệ. Chẳng hạn, tại Pháp, thuật ngữ được sử dụng là *contrefaçon*, theo đó: “*Xét dưới góc độ pháp lý, hoạt động hàng giả được định nghĩa là hoạt động làm giả, bắt chước hoặc sử dụng toàn bộ hoặc một phần nhãn hiệu, kiểu dáng, mẫu hữu ích sáng chế, phần mềm, quyền tác giả hoặc quyền đối với giống cây trồng mà không có sự đồng ý của chủ sở hữu*”¹².

Theo cách hiểu của Pháp, hoạt động hàng giả luôn gắn với một sự vi phạm quyền sở hữu trí tuệ, bao gồm cả quyền sở hữu công nghiệp, quyền tác giả hay quyền đối với giống cây trồng. Tương tự như vậy, theo khoản 4 điều

1252 BLDS Liên bang Nga: “Trong trường hợp việc sản xuất, phổ biến hoặc những hình thức sử dụng khác cũng như việc nhập khẩu, vận chuyển hay tàng trữ các vật phẩm có chứa đựng các kết quả của hoạt động trí tuệ hoặc các dấu hiệu phân biệt dẫn tới vi phạm độc quyền đối với các đối tượng này thì các vật phẩm trên được coi là giả mạo. Tại Liên bang Nga, theo quyết định của Tòa án, những vật phẩm này sẽ bị đưa khỏi lưu thông và buộc tiêu hủy”¹³.

Trong khi đó, khái niệm hàng giả của Việt Nam bao gồm có 4 trường hợp, trong đó chỉ có trường hợp thứ ba là trường hợp “*hàng hóa giả mạo về sở hữu trí tuệ*”.

Tuy nhiên, bản thân khái niệm hàng hóa giả mạo về sở hữu trí tuệ theo quy định tại Điều 213 của Luật sở hữu trí tuệ cũng có những khác biệt với khái niệm của Pháp và Nga. Trong khái niệm được nêu ở Điều 213 Luật sở hữu trí tuệ của Việt Nam, hàng hóa giả mạo về sở hữu trí tuệ chỉ bao gồm hàng hóa giả mạo về nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý và hàng hóa sao chép lậu quyền tác giả. Các hàng hóa có chứa đựng yếu tố xâm hại đến sáng chế, thiết kế bố trí mạch tích hợp, kiểu dáng công nghiệp và giống cây trồng không thuộc phạm vi khái niệm hàng hóa giả mạo về sở hữu trí tuệ.

Điều 213 Luật sở hữu trí tuệ đưa ra khái niệm về hàng hóa giả mạo về sở hữu trí tuệ như sau:

1. *Hàng hoá giả mạo về sở hữu trí tuệ theo quy định của Luật này bao gồm hàng hoá giả mạo nhãn hiệu và giả mạo chỉ dẫn địa lý (sau đây gọi là hàng hoá giả mạo nhãn hiệu) quy định tại khoản 2 Điều này và hàng hoá sao chép lậu quy định tại khoản 3 Điều này.*

2. *Hàng hoá giả mạo nhãn hiệu là hàng hoá, bao bì của hàng hoá có gắn nhãn hiệu,*

¹¹ Nghị định 185/2013/NĐ-CP ngày 15/11/2013 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ người tiêu dùng.

¹² Định nghĩa của Ủy ban Quốc gia chống hàng giả của Pháp (CNAC). Xem thêm định nghĩa trong các điều L515-1, l52-, L615-1, L716-9 Bộ luật sở hữu trí tuệ của Cộng hòa Pháp.

¹³ Xem khoản 4 Điều 1252 BLDS Liên Bang Nga.

dấu hiệu trùng hoặc khó phân biệt với nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý đang được bảo hộ dùng cho chính mặt hàng đó mà không được phép của chủ sở hữu nhãn hiệu hoặc của tổ chức quản lý chỉ dẫn địa lý.

3. *Hàng hoá sao chép lậu là bản sao được sản xuất mà không được phép của chủ thể quyền tác giả hoặc quyền liên quan.”*

Khái niệm hàng hóa giả mạo về sở hữu trí tuệ trong Điều 213 Luật sở hữu trí tuệ Việt Nam tương đồng với khái niệm “*hàng hóa giả mạo nhãn hiệu, hàng hóa chứa đựng yếu tố xâm hại quyền tác giả*” được quy định trong Hiệp định về các khía cạnh của quyền sở hữu trí tuệ có liên quan đến thương mại (Hiệp định TRIPS) của Tổ chức thương mại thế giới (WTO)¹⁴ Khái niệm hàng hóa giả mạo về sở hữu trí tuệ trong Luật sở hữu trí tuệ của Việt Nam cũng tương đồng với khái niệm “*Hàng hóa giả mạo nhãn hiệu và hàng hóa sao chép chứa đựng yếu tố xâm phạm quyền tác giả*” được quy định trong Điều 5 của Hiệp định chống thương mại hàng giả (Anti-Counterfeiting Trade Agreement - ACTA)¹⁵ mới được ký gần đây giữa nhiều nước công nghiệp phát triển, nhưng hiện chưa có hiệu lực [3].

Việc phân biệt giữa khái niệm hàng giả nói chung với khái niệm hàng hóa giả mạo về sở hữu trí tuệ nói riêng, cũng như với khái niệm hàng hóa có chứa đựng yếu tố xâm hại quyền sở hữu trí tuệ có ý nghĩa quan trọng.

Một mặt, như trên đã nêu, để đấu tranh chống lại những hàng giả về chất lượng, cần huy động trước hết vai trò của chính người tiêu

dùng, những người bị thiệt hại đầu tiên và trực tiếp nhất. Đối với những hàng hóa xâm hại quyền sở hữu trí tuệ, trong đó có hàng hóa giả mạo quyền sở hữu trí tuệ, vai trò pháp lý của các chủ thể có quyền sở hữu trí tuệ bị xâm hại lại cần được đặt lên hàng đầu.

Trên phương diện pháp luật thực định, cả trong pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và pháp luật xử lý hình sự, các hành vi sản xuất, buôn bán hàng giả được xử lý khác biệt với các hành vi xâm hại quyền sở hữu trí tuệ, trong đó có hành vi sản xuất, buôn bán hàng hóa giả mạo quyền sở hữu trí tuệ. Trong Bộ luật hình sự, tách biệt với các hành vi sản xuất, buôn bán hàng giả được quy định tại các điều 156, 157, 158, các hành vi tội phạm liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ được quy định lần lượt tại điều 170 (Tội vi phạm quy định về cấp văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp), điều 170a (Tội xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan) và điều 171 (Tội xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp) [4], [5]. Với những quy định như hiện nay của Bộ luật hình sự, có thể thấy những hành vi phạm tội về hàng giả theo các điều 156, 157, 158 sẽ bị xử lý nghiêm khắc hơn rất nhiều so với các hành vi phạm tội liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ, bao gồm cả trường hợp giả mạo về sở hữu trí tuệ. Tuy nhiên, trong nhiều trường hợp, sẽ có sự trùng lặp hoặc khó phân biệt về việc áp dụng điều luật khi một hành vi sản xuất, buôn bán hàng giả (về nội dung) nhưng đồng thời xâm hại quyền sở hữu trí tuệ, chẳng hạn như giả mạo về sở hữu trí tuệ [6].

4. Hàng giả thông thường và hàng giả gây hại cho sức khỏe, an toàn của người tiêu dùng

Về nguyên tắc, mọi hàng giả đều gây thiệt hại cho người tiêu dùng. Bảo vệ người tiêu dùng là một trong những mục đích cao nhất

¹⁴ Xem điều 51 và Chú thích 14 Hiệp định TRIPS.

¹⁵ Xem nội dung và các thông tin về Hiệp định này tại trang Web: <http://ec.europa.eu/trade/creating-opportunities/trade-topics/intellectual-property/anti-counterfeiting/>

của công cuộc chống hàng giả. Tuy nhiên, có một số hàng giả mà việc sử dụng có thể gây hại hoặc đe dọa gây hại trực tiếp cho sức khỏe, thậm chí tính mạng của người người tiêu dùng. Nhóm những hàng giả này có một số đặc điểm chung sau đây:

Thứ nhất, tính gây hại trực tiếp cho người tiêu dùng. Sử dụng nhóm hàng giả này, người tiêu dùng ngoài việc phải gánh chịu những thiệt hại về kinh tế, còn phải chịu những rủi ro, thiệt hại trực tiếp hay lâu dài về sức khỏe, thậm chí là an toàn tính mạng. So với các mặt hàng giả khác, các mặt hàng giả này tác động một cách trực tiếp đến người tiêu dùng, là đối tượng đồng đảo nhất, có vị thế yếu nhất trong phòng tránh, đối phó với các rủi ro so với các doanh nghiệp cũng như Nhà nước nói chung.

Thứ hai, tính phổ biến, thường xuyên. Do đối tượng hướng đến là người tiêu dùng, nên những loại hàng giả này xuất hiện một cách phổ biến, thường xuyên hơn các loại hàng giả khác. Chúng có thể bao gồm các loại hàng hóa là lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh, đồ dùng, phương tiện sinh hoạt ... Trong nhiều trường hợp, sản xuất những sản phẩm này không đòi hỏi kỹ thuật, công nghệ cao nên sự xuất hiện của chúng phổ biến hơn các loại hàng giả khác. Đồng thời, những mặt hàng này đáp ứng những nhu cầu thiết yếu của người dân nên những rủi ro, thiệt hại chúng có thể gây ra cũng mang tính thường xuyên hơn so với các mặt hàng khác.

Thứ ba, tính nghiêm trọng. Các loại hàng giả gây hại cho sức khỏe, an toàn của người tiêu dùng là những loại hàng giả gây ra những hậu quả nghiêm trọng nhất. Ngoài những mặt hàng làm giả về chất lượng mang tính truyền thống như lương thực, thực phẩm..., hiện nay nhiều loại hàng giả khác cũng xuất hiện phổ biến hơn, mang theo những mối nguy hại lớn hơn cho người tiêu dùng. Những mặt hàng này bao gồm chẳng hạn: Mũ bảo hiểm xe máy, phụ

tùng ô-tô, xe máy, vật liệu xây dựng, đặc biệt là thuốc chữa bệnh, hóa mỹ phẩm, dược phẩm chức năng và các loại dụng cụ y tế đặc thù. Việc tiêu dùng các sản phẩm hàng giả này có thể gây ra những thiệt hại lớn về sức khỏe, tính mạng của nhiều người một cách tức thì hay trong dài hạn.

Do các đặc trưng trên đây của nhóm hàng giả gây hại cho sức khỏe của người tiêu dùng so với các loại hàng giả nói chung, các quy định pháp luật trong đấu tranh phòng, chống chúng cũng có những đặc thù.

Một mặt, trong phòng ngừa, ngăn chặn hàng giả gây hại cho người tiêu dùng, các quy định của pháp luật liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh các mặt hàng này có sự chặt chẽ, cụ thể hơn so với hoạt động sản xuất kinh doanh các mặt hàng khác. Đối với các mặt hàng này, thông thường hoạt động sản xuất, kinh doanh được pháp luật quy định là hoạt động sản xuất, kinh doanh có điều kiện. Pháp luật Việt Nam có những quy định cụ thể về điều kiện sản xuất, kinh doanh đối với nhiều mặt hàng thuộc diện này, sớm hơn so với các loại mặt hàng khác. Chẳng hạn, cho đến nay, Chính phủ đã có những Nghị định riêng biệt về sản xuất, kinh doanh đối với các mặt hàng như: Thực phẩm nói chung, rượu, thuốc chữa bệnh, hóa mỹ phẩm, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc lá...

Trong các chiến dịch, chương trình hành động phòng chống hàng giả, mục tiêu, nội dung các biện pháp chống hàng giả gây hại cho sức khỏe, an toàn của người tiêu dùng đều được đặt lên hàng đầu, được ưu tiên về khâu đầu tư tài chính hay tổ chức thực hiện.

Mặt khác, trong việc xử lý các vi phạm, pháp luật áp dụng đối với hành vi sản xuất, kinh doanh, xuất hay nhập khẩu hàng giả gây hại cho sức khỏe, an toàn của người tiêu dùng cũng có những đặc thù.

Thứ nhất, các biện pháp chế tài hành chính thông thường được áp dụng ở mức độ nghiêm khắc, có tính răn đe cao hơn. Chẳng hạn, Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ người tiêu dùng, nhóm các hành vi sản xuất, kinh doanh hàng giả gây hại cho sức khỏe, an toàn của người tiêu dùng đều chịu khung xử phạt ở mức cao nhất hoặc mức xử phạt cao hơn so với các hành vi sản xuất, kinh doanh hàng giả khác.

Thứ hai, bên cạnh các biện pháp chế tài hành chính, các hành vi sản xuất, kinh doanh hàng giả gây hại cho sức khỏe, an toàn của người tiêu dùng thường còn phải chịu các biện pháp bổ sung nghiêm khắc hơn. Các văn bản pháp luật hiện hành quy định các biện pháp này gồm: Đình chỉ hoạt động kinh doanh, thu hồi giấy phép kinh doanh, tiêu hủy, tịch thu tang vật, hàng giả, buộc tái xuất hàng giả đã nhập khẩu từ nước ngoài. Đặc biệt, đối với những loại hàng giả này, biện pháp tiêu hủy là bắt buộc, không thể áp dụng biện pháp tịch thu rồi sử dụng vào mục đích xã hội hay nhân đạo như đối với một số loại hàng giả khác.

Thứ ba, việc xử lý nghiêm khắc hơn các hành vi sản xuất kinh doanh hàng giả gây hại cho sức khỏe, an toàn của người tiêu dùng còn thể hiện ở việc dùng các quy định của Bộ luật hình sự. Trước hết, Bộ luật hình sự có ít nhất hai điều riêng biệt quy định riêng về các hành vi sản xuất, buôn bán hàng giả thuộc loại này (Điều 157, 158). Mặt khác, mức khung hình phạt được áp dụng là rất nghiêm khắc, có thể lên đến tù chung thân hoặc tử hình.

Thứ tư, trong hoạt động tổ chức phòng, chống hàng giả, đối với các loại hàng giả gây hại cho sức khỏe, an toàn của người tiêu dùng, pháp luật quy định trách nhiệm chủ động của cơ quan nhà nước, mà không cần yêu cầu của người bị hại là doanh nghiệp hay cá nhân

người tiêu dùng. Các cơ quan như công an, quản lý thị trường, hải quan, kiểm sát... có thể phải chủ động áp dụng các biện pháp hành chính hoặc tư pháp nhằm xử lý hành vi sản xuất, kinh doanh hàng giả gây hại cho người tiêu dùng, mà không cần có yêu cầu của chủ thể có quyền như trong trường hợp nếu hàng giả là hàng giả mạo về sở hữu trí tuệ.

Thuật ngữ hàng giả gây hại đến sức khỏe và an toàn của người tiêu dùng xuất hiện trong pháp luật Việt Nam từ khá sớm. Ngay trong Pháp lệnh 07/LCT/HDNN7 ngày 10/7/1982 về trừng trị tội đầu cơ, buôn lậu, làm hàng giả, kinh doanh trái phép, tại khoản 3 Điều 5 đã quy định hành vi phạm tội «*làm hàng giả hoặc buôn bán hàng giả có chất độc hại hoặc các chất khác có thể gây nguy hiểm đến sức khỏe, tính mạng của người tiêu dùng*» là hành vi phạm tội đặc biệt nghiêm trọng, bị xử lý hình sự ở mức độ nghiêm khắc hơn so với hành vi làm hàng giả, buôn bán hàng giả thông thường khác.

Hiện nay, trong các văn bản pháp luật có liên quan đến công tác chống hàng giả không có một định nghĩa mang tính khái quát về hàng giả gây hại đến sức khỏe, an toàn tính mạng của người tiêu dùng. Phương pháp phổ biến được sử dụng là phương pháp liệt kê. Theo đó, đối với một số loại hàng giả được nêu tên riêng biệt, do gây hại cho sức khỏe, an toàn của người tiêu dùng mà hành vi sản xuất, buôn bán chúng sẽ phải chịu những chế tài nghiêm khắc hơn. Chẳng hạn, theo quy định tại Điều 157 Bộ luật hình sự, những hàng hóa này bao gồm lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh, thuốc phòng bệnh. Trong khi đó, Nghị định 185 mới đây của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ người tiêu dùng lại liệt kê nhóm hàng hóa này với phạm vi rộng hơn, bao gồm lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh, thuốc phòng bệnh cho người, phụ gia thực phẩm, chất bảo

quản thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, thực phẩm chức năng, chất tẩy rửa, diệt côn trùng, trang thiết bị y tế, xi măng, sắt thép xây dựng, mũ bảo hiểm¹⁶.

Thực trạng trên đây cho thấy việc hoàn thiện các quy định pháp luật trong ngăn ngừa, xử lý hàng giả gây hại cho sức khỏe người tiêu dùng trước hết là việc xác định những mặt hàng giả thuộc đối tượng này. Việc không thống nhất trong cách hiểu về hàng giả gây hại cho sức khỏe, an toàn của người tiêu dùng sẽ dẫn đến sự không thống nhất trong quy định chế tài, biện pháp xử lý. Để tránh hiện tượng bỏ sót hoặc xử lý không thống nhất, cần có quy định pháp luật quy định cách hiểu thống nhất về loại hàng giả đặc thù này hoặc bằng phương pháp khái quát hóa tương tự cách mà Pháp lệnh 07/LCT/HDNN7 ngày 10/7/1982 trước đây đã tiến hành, hoặc liệt kê đầy đủ nhất ở mức có thể những loại hàng giả này theo cách của Nghị định 185 gần đây.

Kết luận

Làm rõ nội hàm của khái niệm hàng giả theo quy định của pháp luật hiện nay là một trong những điều kiện tiên quyết để nâng cao hiệu quả của công tác bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và chống hàng giả. Dưới góc độ pháp lý, điều này không chỉ có ý nghĩa xác định giới hạn, phạm vi của hoạt động chống hàng giả, mà còn có ý nghĩa trong việc huy động, phát huy vai trò của các chủ thể tham gia vào cuộc chiến chống hàng giả, bao gồm cả các lực lượng chống hàng giả là các cơ quan nhà nước lẫn các doanh nghiệp, các cá nhân. Đặc biệt, việc làm rõ khái niệm hàng giả cũng có ý nghĩa lớn trong việc quyết định các

biện pháp hợp lý trong ngăn ngừa, phát hiện và áp dụng các biện pháp chế tài một cách đồng bộ, hợp lý đối với các hoạt động sản xuất, buôn bán hàng giả.

Thực tế áp dụng pháp luật hiện nay cho thấy khái niệm hàng giả trong pháp luật Việt Nam còn cần được hoàn thiện. Khái niệm hàng giả hiện được hiểu rất rộng, có những khác biệt với thông lệ quốc tế. Đặc biệt, trong nhiều trường hợp có những khó khăn trong việc phân biệt hành vi sản xuất buôn bán hàng giả với các hành vi vi phạm pháp luật khác, khó khăn trong việc phân biệt các loại hàng giả với nhau. Những khó khăn này thực tế tạo ra những lực cản, hạn chế hiệu quả của công tác đấu tranh phòng và chống hàng giả.

Tài liệu tham khảo

- [1] Trần Văn Hải, Một số phân tích về tình trạng xâm phạm và tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ ở Việt Nam, Tạp chí Thông tin và dự báo Kinh tế - Xã hội, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, số 31 - 7/2008.
- [2] Trần Ngọc Việt, Hoàn thiện hệ thống các quy định pháp luật về hàng giả và về đấu tranh phòng, chống sản xuất và buôn bán hàng giả, Tạp chí NN&PL số 8/2001.
- [3] Sean Flynn, Intellectual property law enforcement and the Anti-counterfeiting Trade Agreement (ACTA): ACTA's Constitutional Problem: The Treaty Is Not a Treaty, American University International Law Review, 26 (2011) 903.
- [4] Nguyễn Thị Quế Anh, Hiệp định TRIPS: những tác động tới quy định về các tội xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trong Bộ luật hình sự 1999, Kỳ yếu Hội thảo « Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc sửa đổi Bộ luật hình sự năm 1999 trước yêu cầu cải cách tư pháp », Khoa Luật ĐHQGHN và Đại học Thái Nguyên, Thái Nguyên, tháng 12 năm 2013.
- [5] Nguyễn Thụy Phương, Quy định của Bộ luật hình sự về các tội xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, Tạp chí Thông tin Khoa học Xét xử, 5 (2007), 20.
- [6] Thành Vinh, Thực tiễn xét xử các vụ án hình sự về các tội xâm hại quyền sở hữu trí tuệ, Tạp chí Thông tin Khoa học Xét xử, 5 (2007), 2.

¹⁶ Xem điểm a) và c) khoản 2 điều 14 Nghị định 185/2013/NĐ-CP ngày 15/11/2013 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ người tiêu dùng.

Some Opinions on the Concept of Fake Goods in the Context of the Combat against Fake Goods and the Protection of Intellectual Property in Vietnam

Nguyễn Thị Quế Anh

VNU School of Law, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hanoi, Vietnam

Abstract: In this article, the author mentions the development of the concept of fake goods in the Vietnamese law system, analyzes the concept of fake goods in accordance with the current law and shows the differences as well as the correlation among several concepts about fake goods such as: fake goods in content and in form; common fake goods and fake goods doing harm to the consumers' health and safety.

The author also pays attention to the analysis of the correlation between fake goods and the goods that infringe the intellectual property. On that basis, the author points out the discrepancies in the current law and determines the base for the application of the law with a view to treating the different behaviors of making fake goods and pointing out the necessity to perfect the concept of fake goods in the Vietnam law.

Key words: Definition of fake goods; fake goods in content and in form; the goods that infringe on intellectual property.